

BẢN TIN DỰ BÁO TUẦN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG
 PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC
 MÙA KIẾT NĂM 2024-2025**

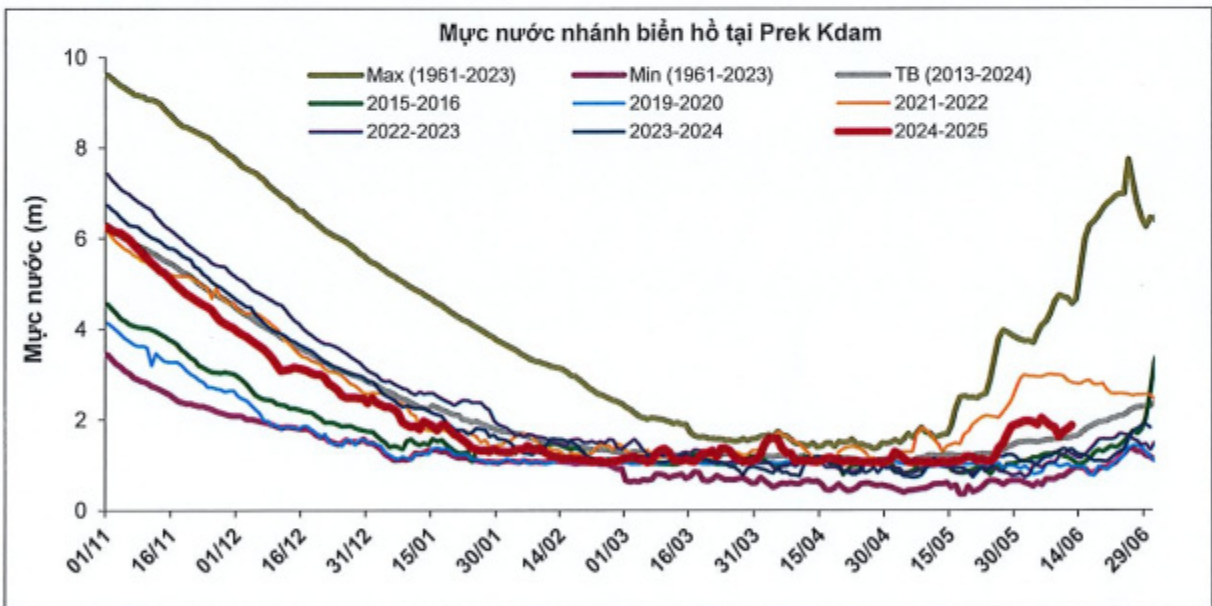
(Tuần từ 13/6/2025 – 19/6/2025, bổ sung ảnh hưởng bão số 1 - bão WUTIP)

1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Ảnh hưởng của bão số 1 trên Biển Đông (bão WUTIP), dự báo có mưa lớn trên diện rộng trên lưu vực sông Mê Công và ĐBSCL. Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến diễn biến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ Tonle Sap và dòng chảy đến Kratie được cập nhật dưới đây.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1) cập nhật từ mạng quan trắc của Ủy hội sông Mê Công, ngày 12/6 ở cao trình 1,86m.



Hình 1. Diễn biến mực nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 12/6/2025

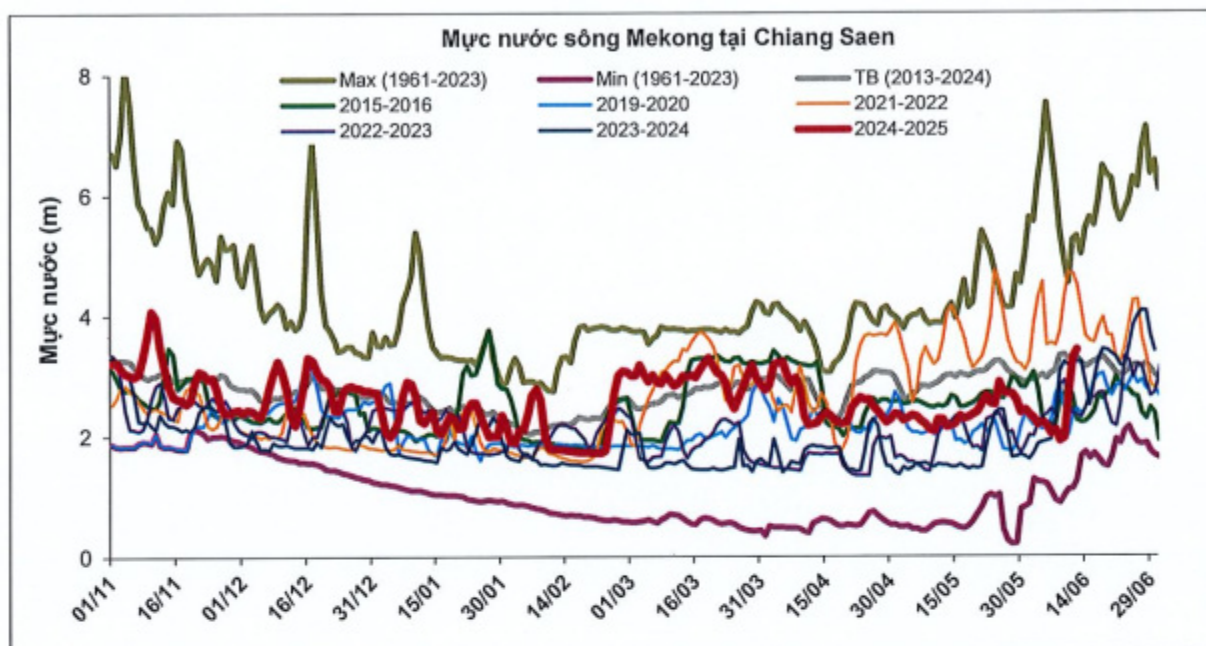
1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Bảng 1: Mực nước* hiện tại các trạm chính và dung tích hồ Tonle Sap

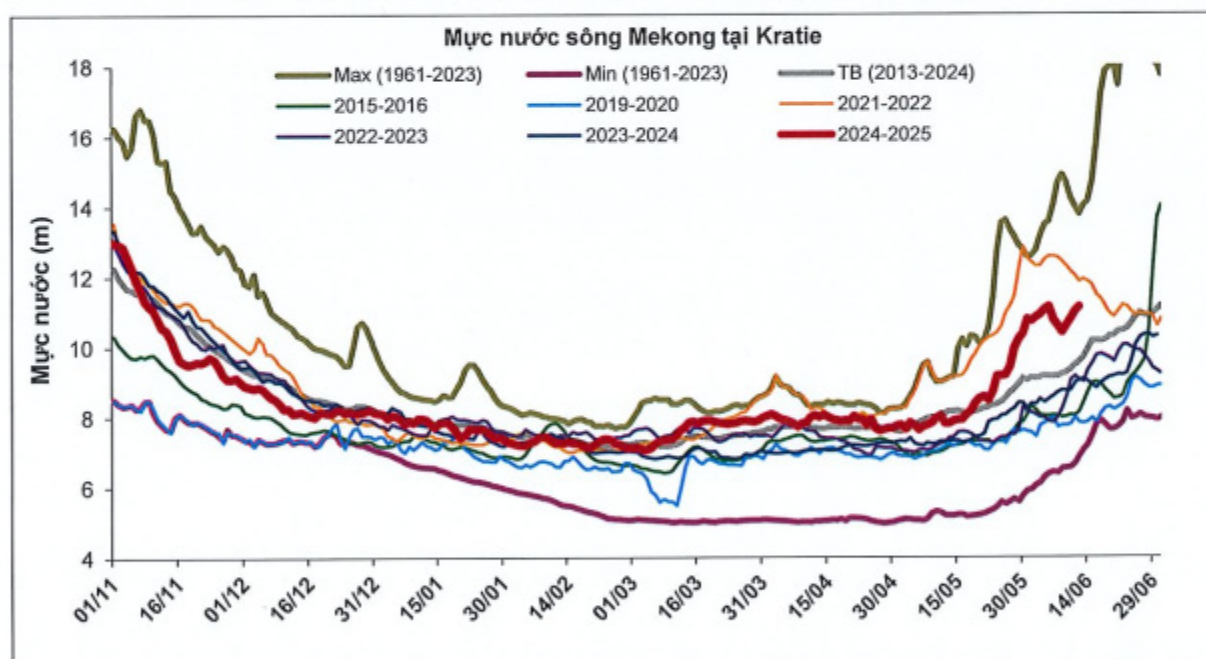
Trạm	Đơn vị	Giá trị ngày 12/6/2025	Khác biệt mực nước (m) và dung tích hồ (tỷ m ³) so với một số năm cùng thời điểm					
			TB (2013-2024)	2023-2024	2022-2023	2021-2022	2019-2020	2015-2016
Chiang Saen*	m	3,41	+0,12	+0,19	+1,08	-1,10	+0,97	+1,16
Kratie*	m	11,11	+1,55	+2,06	+2,08	-0,73	+3,28	+2,98
Prekdam*	m	1,86	+0,25	+0,52	+0,63	-0,95	+0,91	+0,75
Dung tích hồ	Tỷ m ³	1,89	-0,35	+0,73	+0,61	-3,08	+0,68	+0,71

Ghi chú: *: cao độ mực nước các trạm thượng lưu theo số liệu của MRC là cao độ tương đối; (-) là thấp hơn;

Hình 2 và Hình 3 cập nhật diễn biến mực nước từ nguồn Ủy hội sông Mê Công đến ngày 12/6/2025 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng:



Hình 2. Diễn biến mực nước tại Chiang Saen –Thái Lan



Hình 3. Diễn biến mực nước về qua trạm Kratie

Bảng 2: Mực nước lớn nhất hiện tại một số trạm trên đồng bằng

Trạm	Ngày 12/6/2025	Mực nước (m) so với một số năm cùng thời điểm (-) là thấp hơn					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Tân Châu	1,35	+0,16	+0,24	+0,16	-0,37	+0,45	+0,47
Châu Đốc	1,43	+0,14	+0,16	+0,13	-0,34	+0,38	+0,45
Mỹ Thuận	1,05	+0,09	+1,05	+0,03	-0,21	+0,23	+0,34
Cần Thơ	1,04	+0,00	+1,04	-0,06	-0,32	+0,18	+0,25

Dòng chảy về châu thổ sông Mê Công vào mùa kiệt phụ thuộc vào lưu lượng điều

tiết từ thượng nguồn, dòng chảy từ Biển Hồ Tonle Sap và thay đổi theo triều, cụ thể:

- Tại trạm Kratie: Tính đến ngày 12/6/2025, mực nước tại trạm Kratie hiện ở mức 11,11m. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, mực nước tại đây hiện cao hơn khoảng 1,55m so với TBNN; khoảng 2,06m so với mùa khô 2023-2024; khoảng 2,08m so với mùa khô 2022-2023; khoảng 3,28m so với mùa khô 2019-2020; khoảng 2,98m so với mùa khô 2015-2016, tuy nhiên, thấp hơn khoảng 0,73m so với mùa khô 2021-2022.

- Tại Biển Hồ: Hồ Tonle Sap hiện đang trong giai đoạn tích-xả nước, dung tích hiện tại còn khoảng 1,89 tỷ m³. So sánh với số liệu trong quá khứ cho thấy, dung tích hiện cao hơn khoảng 0,73 tỷ m³ so với mùa khô 2023-2024; khoảng 0,61 tỷ m³ so với mùa khô 2022-2023; khoảng 0,68 tỷ m³ so với mùa khô 2019-2020; khoảng 0,71 tỷ m³ so với mùa khô 2015-2016, tuy nhiên thấp hơn khoảng 0,35 tỷ m³ so với TBNN; thấp hơn khoảng 3,08 tỷ m³ so với mùa khô 2021-2022.

- Tại Tân Châu và Châu Đốc: Mực nước tại trạm Tân Châu và Châu Đốc ngày 12/6/2025 lần lượt là 1,35 m và 1,43 m. Dự báo chi tiết diễn biến mực nước trên Đồng bằng xem Phụ lục 2.

2. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC TRÊN ĐỒNG BẰNG VÀ DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ

2.1. Diễn biến mưa trên đồng bằng

Trong tuần từ ngày 4-11/6/2025, theo như dự báo, ĐBSCL xuất hiện mưa trái mùa trên hầu khắp ĐBSCL từ 40-110mm, có nơi hơn 260mm (Hình 4). Dự báo tuần tới, do ảnh hưởng của Bão số 1, dự báo có mưa vừa đến mưa to trên diện rộng, phổ biến từ 30-150mm, cục bộ có nơi trên 200mm.



Hình 4. Bản đồ lưu tích lượng mưa trên Đồng bằng (từ ngày 4-11/6/2025)

Theo dự báo cập nhật ENSO ngày 19 hàng tháng của IRI/CPC, ENSO trung tính tiếp tục duy trì ở mức cao (92%) trong giai đoạn tháng 5 - tháng 7/2025, điều kiện ENSO

trung tính dự báo sẽ tiếp tục duy trì trong giai đoạn tháng 8 – tháng 10 với hơn 50% khả năng, giai đoạn tiếp theo đến tháng 1 - tháng 3/2026 ENSO giảm xuống còn 40%. Khả năng xảy ra El Niño và La Nina rất thấp trong suốt thời gian dự báo.

2.2. Diễn biến và dự báo nguồn nước vùng đồng bằng sông Cửu Long trong tuần

Trong tuần từ 06/06/2025 - 12/6/2025 xả nước từ thủy điện Cảnh Hồng xuống hạ lưu dao động trong khoảng từ 632 m³/s đến 2.130 m³/s. Các hồ chứa trên lưu vực sông Mê Công thuộc Trung Quốc có dung tích điều tiết là 13,53 tỷ m³, tương đương với 56,9% tổng dung tích hữu ích. Các hồ chứa hạ lưu vực Mê Công có 26,4% tổng dung tích hữu ích. Tổng dung tích nước có thể điều tiết cho mùa kiệt năm 2024-2025 trên lưu vực sông Mê Công ở hiện tại vào khoảng 24,56 tỷ m³. Dự báo dòng chảy bình quân về ĐBSCL mùa kiệt trong tháng 6 năm 2024-2025 tại Bảng 3.

Bảng 3: Lưu lượng thực đo và dự báo tại Kratie 2024-2025

Tháng	QKratie (m ³ /s)	So với một số năm					
		TB (2013-2024)	2023-24	2022-23	2021-22	2019-20	2015-16
Th.05/2025	4.704	-3	+966	+1.304	-3.018	+1.565	+1.462
Dự báo Th.06/2025	9.150	+1.212	+2.776	+2.800	-2.220	+4.456	+3.153

Trong tuần qua (từ 06/6-12/6/2025) mặn có hàm lượng 4g/l vào cao nhất trên dưới 15-20km trên các cửa sông. Dự báo xâm nhập mặn trong tuần từ 13/6 đến 19/6, nội vùng đồng bằng mặn giảm, mặn có xu thế giảm nhanh do ảnh hưởng của Bão số 1, đến cuối tuần dự báo ở vùng cửa sông, mặn 4g/l dự báo cách cửa sông trên dưới 10 km.

3. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC MÙA KIẾT 2024-2025

Dòng chảy tháng 6 về đồng bằng đã gia tăng đáng kể kết hợp mưa nhiều nơi trên đồng bằng, xâm nhập mặn giảm nhanh. Diện tích xuống giống vụ Hè Thu đã đạt 1.392,3 ngàn ha, tương đương khoảng 94,7% diện tích so với kế hoạch, các vùng ngọt đã cơ bản hoàn thành xuống giống vụ hè thu, chỉ còn ít diện tích chưa xuống giống thuộc Tiền Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang và Trà Vinh. Nhìn chung nguồn nước thuận lợi đảm bảo cho sản xuất, các địa phương vừa chú ý kiểm tra độ mặn trước khi lấy, vừa chủ động tiêu úng do mưa lớn khi cần do ảnh hưởng của Bão số 1.

4. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Hiện nay, nguồn nước về Đồng bằng đã gia tăng đáng kể và mưa đã xuất hiện diện rộng, đặc biệt với sự xuất hiện của Bão số 1 làm gia tăng lượng mưa cho Đồng bằng trong tuần dự báo nên XNM không còn đe dọa đến sản xuất nông nghiệp và dân sinh. Các địa phương cần tăng cường vận hành tiêu rửa hệ thống, phòng chống úng ngập nhất là những khu vực trũng thấp.

Thực hiện chỉ đạo số 2992/BNNMT-ĐĐ ngày 10/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chủ động ứng phó với mưa lớn, nguy cơ xảy ra lũ, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Để chủ động phòng, chống, ứng phó thiên tai do ảnh hưởng mưa lớn các địa phương chủ động các giải pháp thích ứng,

theo dõi cập nhật các bản tin để chủ động giải pháp đảm bảo nước và tiêu úng ngập phục vụ dân sinh và đảm bảo an toàn cho sản xuất./.

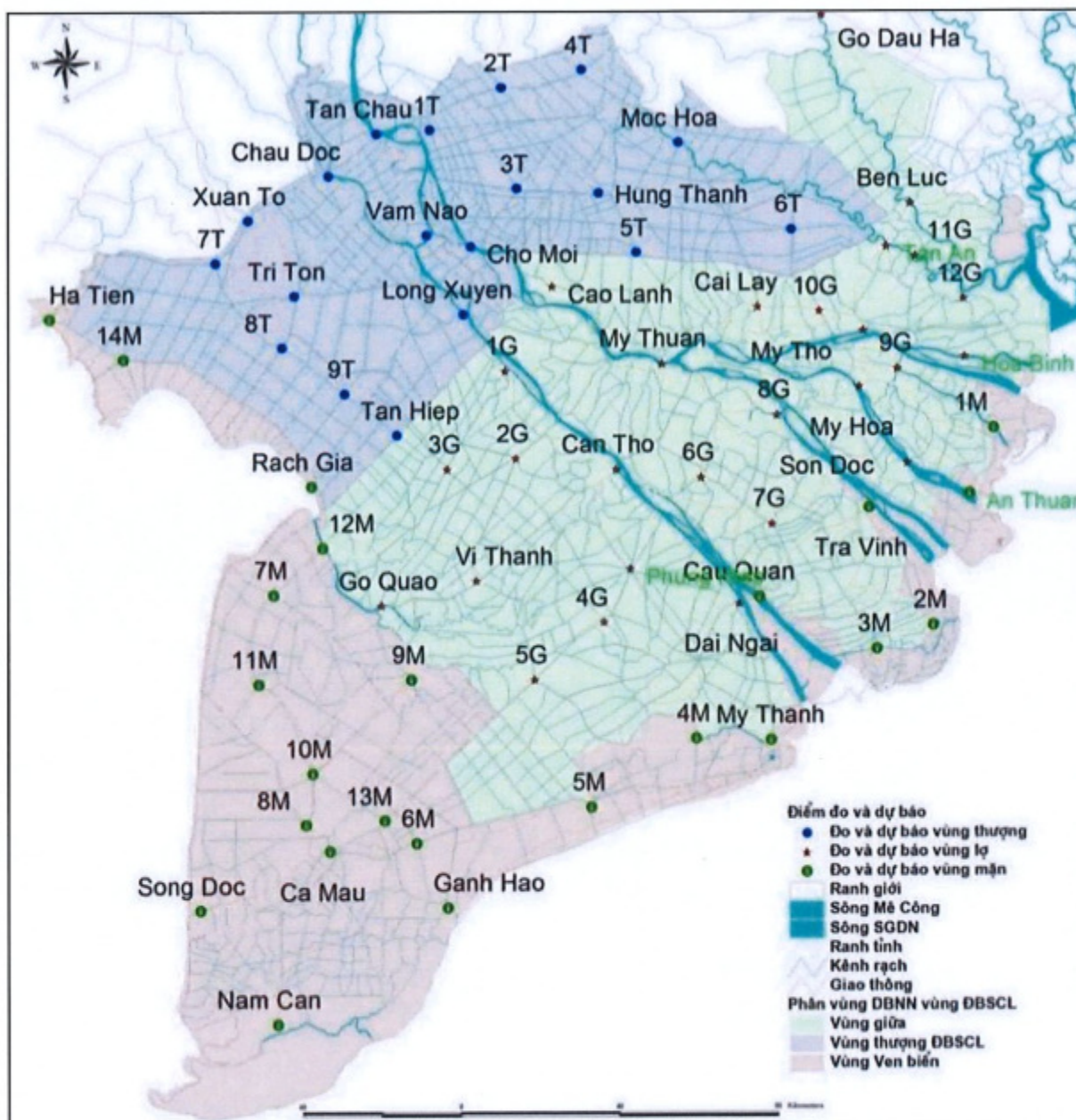
VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM



Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân giao nhiệm vụ của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: dbnn.dbscl19@gmail.com
- Khi cần liên hệ gấp, xin vui lòng gọi tới: 1) Ông Trần Minh Tuấn (di động: 0913 888 478); 2) Ông Tô Quang Toàn (di động: 0918 000 377)/.

Phụ lục 1: Sơ họa vị trí các điểm dự báo nguồn nước vùng đồng bằng Sông Cửu Long



Phụ lục 2: Cập nhật mực nước lớn nhất các vùng trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	1T	1,22	1,25	1,24	1,20	1,20	1,20	1,18	1,18
2	2T	0,82	0,85	0,88	0,90	0,90	0,89	0,85	0,79
3	3T	0,97	0,99	1,00	1,00	1,00	0,97	0,90	0,83
4	4T	0,46	0,49	0,52	0,55	0,56	0,56	0,53	0,49
5	5T	0,85	0,88	0,89	0,88	0,86	0,83	0,80	0,72
6	6T	0,53	0,55	0,56	0,56	0,54	0,48	0,45	0,40
7	7T	0,22	0,24	0,26	0,28	0,30	0,31	0,30	0,29
8	8T	0,24	0,26	0,28	0,31	0,33	0,33	0,32	0,30
9	9T	0,28	0,29	0,31	0,33	0,34	0,33	0,31	0,27
10	Châu Đốc	1,43	1,46	1,45	1,41	1,41	1,41	1,40	1,40

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06
11	Chợ Mới	1,29	1,31	1,30	1,24	1,22	1,22	1,22	1,20
12	Hưng Thạnh	0,63	0,65	0,66	0,67	0,67	0,65	0,60	0,53
13	Long Xuyên	1,62	1,64	1,63	1,60	1,52	1,44	1,43	1,44
14	Mộc hóa	0,46	0,49	0,51	0,51	0,50	0,45	0,43	0,37
15	Tân Châu	1,35	1,37	1,36	1,34	1,34	1,33	1,32	1,32
16	Tân Hiệp	0,49	0,51	0,51	0,52	0,53	0,52	0,49	0,44
17	Tri Tôn	0,53	0,54	0,57	0,59	0,61	0,61	0,60	0,58
18	Vàm Nao	1,37	1,40	1,39	1,35	1,31	1,31	1,29	1,30
19	Xuân Tô	0,46	0,47	0,49	0,51	0,52	0,52	0,50	0,46
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	1G	1,34	1,36	1,36	1,32	1,22	1,14	1,13	1,13
2	2G	0,75	0,76	0,77	0,76	0,74	0,70	0,66	0,66
3	3G	0,51	0,52	0,53	0,53	0,54	0,53	0,51	0,46
4	4G	1,01	1,01	1,03	1,01	0,97	0,91	0,85	0,84
5	5G	0,66	0,67	0,68	0,69	0,69	0,69	0,68	0,65
6	6G	0,93	0,95	0,92	0,88	0,79	0,74	0,75	0,75
7	7G	0,84	0,86	0,86	0,85	0,84	0,80	0,76	0,75
8	8G	1,06	1,08	1,06	1,01	0,98	0,97	0,98	0,98
9	9G	1,19	1,22	1,21	1,15	1,07	0,94	0,92	0,91
10	10G	0,59	0,61	0,61	0,56	0,54	0,54	0,53	0,54
11	11G	0,74	0,77	0,76	0,72	0,70	0,70	0,68	0,69
12	12G	0,89	0,90	0,89	0,90	0,88	0,87	0,89	0,89
13	Bến Lức	1,14	1,17	1,16	1,14	1,07	0,96	0,95	0,96
14	Cai Lậy	0,98	0,99	0,99	0,96	0,91	0,92	0,91	0,90
15	Cần Thơ	1,04	1,07	1,05	1,01	0,91	0,84	0,85	0,86
16	Cao Lãnh	1,29	1,31	1,31	1,26	1,19	1,19	1,18	1,16
17	Đại Ngãi	1,30	1,29	1,31	1,22	1,19	1,17	1,18	1,19
18	Gò Dầu Hạ	0,60	0,62	0,62	0,60	0,52	0,40	0,35	0,34
19	Gò Quao	0,63	0,64	0,64	0,64	0,64	0,62	0,58	0,55
20	Hòa Bình	0,80	0,82	0,82	0,82	0,80	0,81	0,82	0,81
21	Mỹ Hoà	1,00	1,01	1,00	0,96	0,95	0,95	0,96	0,95
22	Mỹ Tho	0,95	0,96	0,96	0,94	0,95	0,96	0,95	0,95
23	Mỹ Thuận	1,11	1,12	1,13	1,08	1,01	1,00	1,01	1,01
24	Phụng Hiệp	1,04	1,08	1,06	1,00	0,91	0,84	0,85	0,86
25	Sơn Đốc	0,90	0,95	0,92	0,89	0,89	0,89	0,88	0,91
26	Tân An	1,16	1,19	1,17	1,14	1,12	1,11	1,12	1,12
27	Vị Thanh	0,69	0,70	0,71	0,71	0,70	0,71	0,67	0,62
III. Vùng ven biển									
1	1M	1,00	1,03	1,03	1,03	1,01	1,02	1,03	1,03
2	2M	1,20	1,21	1,21	1,13	1,14	1,15	1,13	1,15
3	3M	1,32	1,33	1,31	1,25	1,21	1,23	1,22	1,21
4	4M	1,37	1,37	1,35	1,28	1,24	1,25	1,22	1,25
5	5M	1,46	1,50	1,49	1,39	1,34	1,31	1,36	1,37
6	6M	1,15	1,20	1,18	1,14	1,06	0,91	0,88	0,92

STT	Trạm	Ngày dự báo							
		12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06
7	7M	0,35	0,36	0,38	0,39	0,38	0,36	0,33	0,27
8	8M	0,64	0,65	0,67	0,67	0,67	0,66	0,64	0,60
9	9M	0,68	0,68	0,69	0,69	0,69	0,68	0,67	0,63
10	10M	0,50	0,52	0,53	0,54	0,53	0,53	0,51	0,48
11	11M	0,46	0,47	0,49	0,50	0,50	0,48	0,45	0,43
12	12M	0,58	0,59	0,60	0,58	0,55	0,47	0,37	0,30
13	13M	0,61	0,62	0,63	0,65	0,66	0,66	0,65	0,63
14	14M	0,18	0,20	0,22	0,24	0,25	0,24	0,21	0,20
15	An Thuận	1,09	1,12	1,08	1,06	1,05	1,05	1,07	1,08
16	Cà Mau	0,81	0,83	0,83	0,83	0,80	0,77	0,74	0,64
17	Cầu Quan	1,52	1,52	1,52	1,46	1,34	1,35	1,33	1,35
18	Gành Hào	1,76	1,79	1,78	1,70	1,58	1,58	1,62	1,66
19	Hà Tiên	0,19	0,21	0,23	0,25	0,25	0,24	0,21	0,16
20	Mỹ Thanh	1,33	1,35	1,30	1,25	1,17	1,21	1,21	1,19
21	Năm Căn	1,43	1,44	1,44	1,40	1,29	1,14	1,18	1,25
22	Rạch Giá	0,19	0,21	0,23	0,25	0,25	0,24	0,21	0,16
23	Sông Đốc	0,77	0,78	0,79	0,77	0,75	0,68	0,59	0,55
24	Trà Vinh	1,09	1,10	1,10	1,06	1,05	1,05	1,07	1,07

Ghi chú:

- Tương đương ngày đầu tuần dự báo
- Cao hơn ngày đầu tuần dự báo
- Thấp hơn ngày đầu tuần dự báo

Phụ lục 3: Dự báo độ mặn lớn nhất trong tuần một số trạm cửa sông chính trên ĐBSCL

STT	Trạm	Ngày dự báo mặn							
		12/06	13/06	14/06	15/06	16/06	17/06	18/06	19/06
1	Vàm Giồng	< 3,0	—	—	↓	↓	↓	↓	< 2,0
2	Trà Vinh	< 2,0	—	—	↓	↓	↓	↓	< 3,0
3	Mỹ Hóa	< 0,5	—	—	↓	↓	↓	↓	< 0,5
4	Cầu Quan	< 2,0	—	—	↓	↓	↓	↓	< 2,0
5	Gò Quao	< 2,0	—	—	↓	↓	↓	↓	< 2,0
6	Đại Ngãi	< 1,5	—	—	↓	↓	↓	↓	< 1,5

Ghi chú:

- ↑ Mặn đang xu thế tăng
- ↑ a ↓ Mặn tăng và đạt đỉnh 'a' trước khi giảm ở các ngày sau
- ↓ Mặn đang xu thế giảm
- ↓ b ↑ Mặn giảm và đạt chân 'b' trước khi tăng trở lại ở các ngày sau
- Mặn ít biến động hoặc khó lường so với ngày trước đó